

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Điều chỉnh, cập nhật Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy
ngành Bảo vệ thực vật theo hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1558/QĐ-TTg, ngày 24/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Bạc Liêu;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT về việc quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ GD&ĐT về việc quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ GD&ĐT về việc quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-ĐHBL ngày 10/01/2024 về việc xây dựng, rà soát, cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 271/QĐ-ĐHBL ngày 06/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bạc Liêu ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 149/QĐ-ĐHBL ngày 20/3/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bạc Liêu ban hành Quy chế xét, cấp học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, khen thưởng và kỷ luật sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 474/QĐ-ĐHBL ngày 27/8/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bạc Liêu ban hành Chương trình đào tạo trình độ Đại học chính quy ngành Bảo vệ thực vật theo hệ thống tín chỉ: Áp dụng cho sinh viên từ khóa 18, năm học 2024 - 2025;

Căn cứ Biên bản của cuộc họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Bạc Liêu ngày 20/02/2025;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý đào tạo và Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, cập nhật Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Bảo vệ thực vật theo hệ thống tín chỉ.

(Chương trình đào tạo kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy tại Điều 1 thay thế cho Chương trình đào tạo ban hành theo Quyết định số 474/QĐ-ĐHBL ngày 27/8/2024.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho sinh viên từ khóa 18, năm học 2024 - 2025.

Điều 4. Lãnh đạo các đơn vị thuộc Trường và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Như
Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phan Văn Đàn

Bạc Liêu, ngày 21 tháng 02 năm 2025

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 122 /QĐ-ĐHBL ngày 21 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Bạc Liêu)

Tên chương trình đào tạo:	Bảo vệ thực vật
Trình độ đào tạo:	Đại học
Loại hình đào tạo:	Chính quy
Ngành đào tạo:	Bảo vệ thực vật
Mã số:	7620112
Chuyên ngành đào tạo:	Bảo vệ thực vật

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Bảo vệ thực vật có kiến thức chuyên ngành vững chắc; có khả năng hợp tác và quản lý nguồn lực; khả năng thích ứng với công việc đa dạng ở các cơ quan, doanh nghiệp hoặc tự tạo lập công việc sản xuất và dịch vụ trong lĩnh vực bảo vệ thực vật; có phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên vận dụng khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành để giải quyết các vấn đề về quản lý dịch hại, khoa học cây trồng, sản xuất kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và giống cây trồng.

Sinh viên có tác phong chuyên nghiệp, có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nghiên cứu khoa học, học tập suốt đời, khả năng thích ứng với môi trường làm việc đa văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa; có năng lực ngoại ngữ phù hợp và công nghệ thông tin cơ bản theo quy định.

Sinh viên có sức khỏe, đạo đức, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội; có năng lực làm việc trong các ngành nghề phù hợp với chuyên môn; học tập sau đại học ngành Bảo vệ thực vật và các ngành có liên quan.

2. Chuẩn đầu ra

STT	Ký hiệu	Mô tả	TĐNL
I	Kiến thức		
1	PLO1	Áp dụng khối kiến thức giáo dục đại cương vào các vấn đề của lĩnh vực bảo vệ thực vật.	3
2	PLO2	Đối với các vấn đề trong bảo vệ thực vật trên cơ sở kiến thức về cây trồng, sâu/bệnh hại, thuốc bảo vệ thực vật, khởi nghiệp kinh doanh một cách hiệu quả và phù hợp với yêu cầu thực tiễn.	4
II	Kỹ năng		
3	PLO3	Tích hợp các kiến thức chuyên ngành để giám định, phòng trừ dịch hại trên cây trồng.	4
4	PLO4	Sử dụng thành thạo kỹ năng truyền đạt và tư duy phản biện để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh trong thực tế sản xuất và kinh doanh.	3
5	PLO5	Thực hiện kế hoạch khởi nghiệp, sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.	3
III	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
6	PLO6	Đề xuất các nguyên tắc trong sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật và quản lý dịch hại trên cây trồng theo đúng quy định.	3
7	PLO7	Khởi xướng khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; Kết hợp kiến thức đã học để lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.	3

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá (tính bằng số tín chỉ)

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 126 TC (không kể số tín chỉ cho học phần giáo dục quốc phòng và các học phần giáo dục thể chất).

Trong đó: + Số tín chỉ bắt buộc: 86 TC (68,3%)

+ Số tín chỉ tự chọn: 40 TC (31,7%)

4. Đối tượng tuyển sinh

4.1. Phạm vi và đối tượng tuyển sinh

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên.

- Phạm vi tuyển sinh toàn quốc.

4.2. Phương thức tuyển sinh

Theo đề án tuyển sinh của trường Đại học Bạc Liêu và được cập nhật hàng năm trên trang web tuyển sinh của Trường.

5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quyết định số 271/QĐ-ĐHBL ngày 06/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bạc Liêu ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ.

6. Phương thức đánh giá

Thực hiện theo Quyết định số 271/QĐ-ĐHBL ngày 06/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bạc Liêu ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ.

7. Nội dung chương trình đào tạo

7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

STT	MSHP	KHỐI KIẾN THỨC VÀ HỌC PHẦN	SỐ TC
1		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	36
1.1		<i>Các học phần bắt buộc</i>	<i>30</i>
1	SS0010	Tin học căn bản	3
2	SS0011	Tiếng Anh căn bản 1	3
3	SS0012	Tiếng Anh căn bản 2	3
4	SS0013	Tiếng Anh căn bản 3	3
5	SS0014	Pháp luật đại cương	2
6	SS0015	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
7	SS2001	Triết học Mác - Lênin	3
8	SS2002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
9	SS2003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
10	SS0004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
11	SS2005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2
12	SS2006	Sinh học đại cương	3
1.2		<i>Các học phần tự chọn</i>	<i>6</i>
13	SS0016	Tâm lý học đại cương (*)	2
14	SS2008	Toán cao cấp (*)	2

15	SS2009	Xác suất thống kê (*)	2
16	SS2010	Vật lý đại cương (*)	2
17	SS2011	Kinh tế học đại cương (*)	2
18	SS2012	Hóa học đại cương (*)	2
1.3		<i>Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh</i>	
19	SS0030	Giáo dục thể chất (**)	3
20	SS0031	Giáo dục Quốc phòng - An ninh (**)	11
2		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	90
2.1		<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	24
2.1.1		<i>Các học phần bắt buộc</i>	20
21	PP2100	Sinh hóa đại cương	2
22	PP2101	Côn trùng đại cương	3
23	PP2102	TT. Côn trùng đại cương	1
24	PP2103	Vi sinh vật đại cương	2
25	PP2104	Sinh lý thực vật	3
26	PP2105	Bệnh cây đại cương	2
27	PP2106	TT. Bệnh cây đại cương	1
28	PP2107	Sinh học phân tử	2
29	PP2108	Khoa học cây trồng	3
30	PP2109	TT. Khoa học cây trồng	1
2.1.2		<i>Các học phần tự chọn</i>	4
31	PP2110	Khởi nghiệp ngành nghề (*)	1
32	PP2111	Kỹ năng mềm (*)	2
33	PP2112	Luật trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật (*)	2
34	PP2113	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính (*)	1
35	PP2114	Chọn giống cây trồng trong bảo vệ thực vật (*)	2
36	PP2115	Kỹ thuật trồng nấm ăn (*)	2

2.2		Kiến thức ngành và chuyên ngành	36
2.2.1		<i>Các học phần bắt buộc</i>	28
37	PP2200	Côn trùng chuyên khoa	3
38	PP2201	TT. Côn trùng chuyên khoa	1
39	PP2202	Bệnh cây chuyên khoa	3
40	PP2203	TT. Bệnh cây chuyên khoa	2
41	PP2204	Thuốc bảo vệ thực vật	2
42	PP2205	TT. Thuốc vệ thực vật	1
43	PP2206	IPM trong bảo vệ thực vật	2
44	PP2207	TT. IPM trong bảo vệ thực vật	1
45	PP2208	Cỏ dại	2
46	PP2209	TT. Cỏ dại	1
47	PP2210	Động vật hại nông nghiệp	2
48	PP2211	Tiếng Anh chuyên ngành bảo vệ thực vật	2
49	PP2212	Thực tập nghề	3
50	PP2213	Thực tập giáo trình	3
2.2.2		<i>Các học phần tự chọn</i>	8
51	PP2214	Kỹ thuật sản xuất rau sạch (*)	2
52	PP2215	Dự tính và dự báo dịch hại cây trồng (*)	2
53	PP2216	Công nghệ sinh học trong bảo vệ thực vật (*)	2
54	PP2217	Kiểm dịch thực vật và dịch hại nông sản sau thu hoạch (*)	2
55	PP2218	IoT trong nông nghiệp (*)	2
56	PP2219	Phòng trừ sinh học côn trùng (*)	2
57	PP2220	Phòng trừ sinh học bệnh cây trồng (*)	2
58	PP2221	Nuôi cấy mô thực vật (*)	2
2.3		Kiến thức bổ trợ	14
2.3.1		<i>Các học phần bắt buộc</i>	8

59	PP2300	Dinh dưỡng cây trồng	2
60	PP2301	TT. Dinh dưỡng cây trồng	1
61	PP2302	Khoa học đất	2
62	PP2303	TT. Khoa học đất	1
63	PP2304	Phương pháp bố trí thí nghiệm và xử lý số liệu	2
2.3.2		<i>Các học phần tự chọn</i>	6
64	PP2305	Hệ sinh thái nông nghiệp (*)	2
65	PP2306	Chăn nuôi đại cương (*)	2
66	PP2307	Ngư nghiệp đại cương (*)	2
67	PP2308	Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu (*)	2
68	PP2309	Xây dựng, thẩm định và quản trị dự án (*)	2
69	PP2310	Cơ giới hoá trong nông nghiệp (*)	2
2.4		<i>Thực tập nghề nghiệp và làm Khoá luận tốt nghiệp</i>	16
70	PP2400	Khoá luận tốt nghiệp (*)	10
71	PP2401	Tiểu luận tốt nghiệp (*)	4
72	PP2402	Khuyến nông (*)	2
73	PP2403	Phương pháp giám định côn trùng (*)	2
74	PP2404	Phương pháp giám định bệnh cây (*)	2
75	PP2405	Thực hành nông nghiệp tốt (GAP) (*)	2
76	PP2406	Nông nghiệp sạch và bền vững (*)	2
77	PP2407	Marketing trong nông nghiệp (*)	2
78	PP2408	Bảo quản nông sản sau thu hoạch (*)	2
79	PP2409	Vi sinh vật và chuyển hóa vật chất trong đất (*)	2
80	PP2410	Ứng dụng GIS và viễn thám trong nông nghiệp (*)	2

Ghi chú:

- Học phần (*): Tự chọn.

- Học phần (**): Điều kiện bắt buộc phải có, nhưng không tính trong trung bình chung tích lũy.

7.2. Mô tả các học phần

7.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương

1. Tin học căn bản (SS0010)

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản nhất về công nghệ thông tin. Thông qua thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail.

2. Tiếng Anh căn bản 1 (SS0011)

Tiếng Anh căn bản 1 hàm chứa kiến thức tiếng Anh thông dụng thể hiện qua các kỹ năng: nghe, nói, đọc và viết nhằm đáp ứng cho sinh viên đạt đến mức độ tương đương bậc A2 của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam và theo Quy định của Nhà trường về các chủ đề đời sống xã hội, giao thông, thi đua và thách thức.

3. Tiếng Anh căn bản 2 (SS0012)

Tiếng Anh căn bản 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học cho sinh viên không chuyên Ngôn Ngữ Anh trường Đại học Bạc Liêu. Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh cơ bản nhằm giúp sinh viên đạt được kết quả ở Mức 2 (Sơ cấp 2 - A2) của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định chuẩn ngoại ngữ của Nhà trường. Ngoài ra, qua học phần này, sinh viên được rèn khả năng tự học, tự nghiên cứu, có tinh thần, trách nhiệm học tập tích cực.

4. Tiếng Anh căn bản 3 (SS0013)

Tiếng Anh căn bản 3 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức tiếng Anh ở mức độ trung cấp và kỹ năng thực hành ngoại ngữ này thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống và công việc, hướng đến nâng cao năng lực ngoại ngữ của sinh viên đáp ứng trình độ B1 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam theo quy định của thông tư 01/2014/TT-BGDĐT trong học tập, nghiên cứu tài liệu nước ngoài và cơ hội tìm việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

5. Pháp luật đại cương (SS0014)

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa nói riêng, hiểu biết cơ bản về một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam để vận dụng vào thực tiễn cuộc sống. Đồng thời nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về pháp luật phòng, chống tham nhũng, nâng cao nhận thức và sự hiểu biết, trách nhiệm về phòng chống tham nhũng trong sinh viên nên học phần còn bao gồm nội dung phổ biến Luật phòng chống tham nhũng hiện hành đến với người học.

6. Phương pháp nghiên cứu khoa học (SS0015)

Học phần cung cấp những thông tin, những kiến thức cơ bản, các bước trong nghiên cứu khoa học, những kỹ thuật cần thiết để tiếp cận phương pháp thí nghiệm, thu thập số liệu, phương pháp xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học cách trình bày các kết quả nghiên cứu, cách viết bài báo cáo khoa học và cách thuyết trình trước đám đông.



7. Triết học Mác - Lênin (SS2001)

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về triết học Mác - Lênin:

- Khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin.
- Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng.
- Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

8. Kinh tế chính trị Mác - Lênin (SS2002)

Kinh tế chính trị Mác - Lênin là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên không chuyên Lý luận chính trị. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế chính trị Mác - Lênin như: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; Công nghiệp hóa - hiện đại hóa ở Việt Nam.

9. Chủ nghĩa xã hội khoa học (SS2003)

Học phần giúp cho sinh viên những kiến thức về những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học (CNXHKKH): quá trình hình thành và phát triển của CNXHKKH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH; dân chủ XHCN và nhà nước XHCN; cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp; vấn đề dân tộc và tôn giáo; vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

10. Tư tưởng Hồ Chí Minh (SS0004)

Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm của Người về các vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Từ đó, sinh viên thấy được sự vận dụng đúng đắn tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam trong công cuộc xây dựng đất nước, giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

11. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (SS2005)

Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng, quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ cứu nước (1945 - 1975) và lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018).

Qua đó, khẳng định những thành công, nêu lên hạn chế, tổng kết kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng, nhằm giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng, cũng như vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

12. Sinh học đại cương (SS2006)

- Học phần trang bị cho sinh viên khối ngành nông nghiệp kiến thức đại cương về sinh học tế bào, di truyền học đại cương, tổ chức cơ thể động thực vật. Học phần tập trung vào một số nội dung chính: Cấu trúc tế bào, Cấu trúc của màng tế bào, Sự trao đổi chất qua màng tế bào, Sự quang hợp, Sự hô hấp tế bào, Nhiễm sắc thể và sự phân bào, Di truyền học cổ điển, Cơ sở phân tử của sự di truyền, Sinh tổng hợp protein, Kiểm soát sự biểu hiện của gen, Kỹ thuật di truyền, Tổ chức cơ thể thực vật, Các thuyết tiến hóa, Biến dị di truyền và chọn lọc tự nhiên, Nguồn gốc sự sống và sự hình thành loài.

- Học phần tập trung vào một số nội dung chính trong phần thực hành: Cách sử dụng kính hiển vi, kính nổi và thực hiện tiêu bản tạm thời, Cấu tạo tế bào thực vật, và thí nghiệm chứng minh sự trương nước và co nguyên sinh, Sự nguyên phân, Sự giảm phân, Mô thực vật, Khảo sát hoạt tính enzym và chiết suất ADN.

13. Tâm lý học đại cương (SS0016)

Học phần Tâm lý học đại cương trang bị cho sinh viên nền tảng kiến thức về tâm lý học đại cương như: đối tượng, nhiệm vụ, chức năng, nguyên tắc phương pháp nghiên cứu của tâm lý học; Bản chất hiện tượng tâm lý con người; hoạt động và giao tiếp; hoạt động nhận thức; Tình cảm; Ý chí; Nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách.

14. Toán cao cấp (SS2008)

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính, bao gồm: định thức, ma trận, hệ phương trình tuyến tính; các kiến thức cơ bản về giới hạn, tính liên tục, phép tính vi tích phân của hàm một biến, tích phân suy rộng; giới hạn, tính liên tục, phép tính vi tích phân và cực trị hàm nhiều biến.

15. Xác suất thống kê (SS2009)

Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và các phương pháp thống kê. Môn học này giúp sinh viên hiểu và ứng dụng các khái niệm xác suất trong việc mô hình hóa các vấn đề thực tế, cũng như phát triển kỹ năng phân tích dữ liệu và quyết định dựa trên phân tích thống kê. Học phần gồm các chủ đề như biến ngẫu nhiên, phân phối xác suất, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết, và hồi quy. Môn học này hữu ích đối với sinh viên ngành nông nghiệp với yêu cầu tư duy phân tích dữ liệu.

16. Vật lý đại cương (SS2010)

Môn học này cung cấp kiến thức cơ bản về các dạng chuyển động của chất điểm; Các lực liên kết tác dụng lên vật; Ba định luật bảo toàn; Mối quan hệ giữa các thông số trạng thái, Phương trình của khí thực và khí lý tưởng; Trường tĩnh điện - sự tương tác giữa các hạt mang điện đứng yên, Giới thiệu các loại mạch điện và các thiết bị điện cơ bản, từ trường, hiện tượng cảm ứng điện từ; Tính chất của ánh sáng khi truyền qua các môi trường, lăng kính, thấu kính, các hiện tượng giao thoa, khúc xạ, nhiễu xạ ánh sáng.

17. Kinh tế học đại cương (SS2011)

Học phần gồm có 3 phần: Phần chung, phần kinh tế vi mô và phần kinh tế vĩ mô. Nội dung chính thuộc 2 lĩnh vực: Kinh tế vi mô và Kinh tế vĩ mô bao gồm lý thuyết về cung cầu hàng hoá và giá cả thị trường; lý thuyết về thị hiếu của người tiêu dùng; lý thuyết của nhà sản xuất; lý thuyết về xác định sản lượng quốc gia (GDP, GNP, CPI,...); lý thuyết về tiền tệ và lạm phát; lý thuyết về thất nghiệp.

18. Hóa học đại cương (SS2012)

Môn học Hóa Đại cương bao gồm Cấu tạo chất và Cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học tạo điều kiện để sinh viên có thể học tốt các môn học khác của ngành đào tạo. Học phần này cũng nhằm giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức thực hành cơ bản, qua đó rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp, các số liệu, hiện tượng quan sát được.

19. Giáo dục thể chất (SS0030)

- Giáo dục thể chất 1 và Giáo dục thể chất 2: Trang bị cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản của môn học (chạy 100m, nhảy xa, nhảy cao, đẩy tạ), các bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn, phương pháp trọng tài và thi đấu, phương pháp tổ chức giảng dạy. Các biện pháp phòng ngừa và khắc phục những sai sót trong quá trình học tập, các bài tập thả lỏng và hồi phục sau tập luyện môn Điền kinh.

- Giáo dục thể chất 3 - Bơi lội: Thông qua môn học giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về môn Bơi lội (mô tả môn học), giúp sinh viên rèn luyện sức khỏe. Bơi lội là môn thể thao rèn luyện năng lực vận động của con người ở môi trường nước, có tác dụng củng cố, tăng cường và nâng cao sức khỏe, có tính thực dụng rất lớn đối với hoạt động sản xuất, chiến đấu, chữa bệnh cũng như thi đấu thể thao. Vì vậy, bơi lội là một trong những môn học cơ bản và bắt buộc trong kế hoạch đào tạo các môn thể thao của nhà trường.

7.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

20. Sinh hóa đại cương (PP2100)

Nắm được các kiến thức về các quá trình sinh hoá trong cơ thể sống nói chung và cây trồng nói riêng. Biết được vai trò và chức năng của các đại phân tử trong sinh vật như carbohydrate, protein, lipid và enzyme. Nắm được chức năng của các phân tử có hoạt tính sinh học như hormone hay các yếu tố có khả năng điều hoà các quá trình trao đổi chất của cơ thể và các biến đổi về mặt sinh hoá trong những giai đoạn phát triển của cây trồng. Bên cạnh đó sinh viên biết cách thực hiện các thí nghiệm sinh hoá đơn giản như đánh giá hoạt tính của enzyme, các vấn đề hoặc các nguyên lý liên quan đến các chu trình sinh hoá trong sinh vật.

21. Côn trùng đại cương (PP2101)

Giới thiệu những kiến thức cơ bản về những động vật thuộc nhóm côn trùng (có hại trên cây trồng và có lợi cho con người, môi trường) về các đặc điểm hình thái, sinh lý học, sinh vật học, sinh thái, phân loại, cách gây hại và một số biện pháp phòng trị cơ bản. Qua đó sinh viên sẽ có kiến thức để nghiên cứu các biện pháp, chiến lược quản lý côn trùng gây hại trên cây trồng, đồng thời phát huy vai trò của nhóm có lợi và xây dựng các chiến lược để quản lý các nhóm gây hại, phục vụ cho sự phát triển một nền nông nghiệp bền vững và có hiệu quả kinh tế trong điều kiện cụ thể của vùng ĐBSCL nói riêng và cả nước nói chung.

22. TT. Côn trùng đại cương (PP2102)

Sinh viên sẽ quan sát cấu tạo hình thái bên ngoài trên mẫu thực, sử dụng khóa phân bộ, họ để phân loại các nhóm côn trùng phổ biến. Sinh viên được thực hành một vài phương pháp thu thập mẫu côn trùng, phương pháp tồn trữ và bảo quản mẫu côn trùng cũng như thực hiện bộ mẫu côn trùng.

23. Vi sinh vật đại cương (PP2103)

Nội dung học phần tập trung vào phần chính là phần vi sinh vật đại cương. Nội dung môn học bao gồm những kiến thức về lịch sử, quá trình phát sinh và phát triển của ngành vi sinh vật, những thành tựu đã đạt được và những triển vọng của ngành vi sinh vật đối với đời sống và sản xuất. Trọng tâm của môn học đi sâu vào những kiến thức về cấu trúc, chức năng và các hoạt động sống của vi sinh vật. Môn học cũng đề cập đến mối quan hệ giữa vi sinh vật với các yếu tố môi trường, vai trò của vi sinh vật đối với đời sống con người và lĩnh vực nông nghiệp.

24. Sinh lý thực vật (PP2104)

Học phần này giúp học viên hiểu, giải thích và vận dụng được các kiến thức cơ bản về sinh lý thực vật vào các môn học chuyên ngành bảo vệ thực vật như: cấu tạo, đặc tính tế bào thực vật; các cơ chế chính của quá trình tự dưỡng của thực vật như: sự hút nước, dinh dưỡng khoáng, các quá trình đồng hóa, dị hóa...; vai trò một số chất điều hòa sinh trưởng và ứng dụng các hợp chất điều hòa sinh trưởng thực vật trong sản xuất nông nghiệp.

Sinh viên có những kiến thức thực hành trọng tâm sau đây: Một số đặc tính của tế bào thực vật; Sự trao đổi nước của thực vật; Sự quang hợp ở thực vật; Sự hô hấp ở thực vật; Sự hấp thu dinh dưỡng và một số triệu chứng thiếu dinh dưỡng ở thực vật; Ảnh hưởng của chất điều hòa sinh trưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của thực vật.

25. Bệnh cây đại cương (PP2105)

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản trong lĩnh vực bệnh cây trồng bao gồm nguyên nhân gây bệnh cây và triệu chứng bệnh cây trồng do từng nguyên nhân gây ra, con đường xâm nhiễm, sự lưu tồn và lan truyền của các tác nhân gây bệnh cây trồng, cách xâm nhiễm và cách gây hại của các tác nhân đó; phản ứng của tế bào ký chủ khi bị mầm bệnh xâm nhiễm, chu trình bệnh và các giai đoạn của chu trình bệnh; phân biệt và mô tả triệu chứng bệnh cây trồng, các yếu tố có liên quan đến sự bộc phát dịch bệnh trên cây trồng; các biện pháp hạn chế và khắc phục dịch bệnh cây trồng, các nguyên lý trong quản lý dịch bệnh cây trồng.

26. TT. Bệnh cây đại cương (PP2106)

Môn học nhằm giúp sinh viên hiểu rõ hơn phần lý thuyết đã học về bệnh cây đại cương, đồng thời cung cấp thêm kiến thức và rèn luyện kỹ năng về phương pháp chẩn đoán bệnh cây, phương pháp điều tra sưu tập, tồn trữ và làm tiêu bản bệnh hại cây trồng; trang bị khả năng thực hành về lây nhiễm bệnh nhân tạo, phương pháp điều tra, đánh giá cấp bệnh và thiệt hại do bệnh cây trồng.

27. Sinh học phân tử (PP2107)

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu trúc, chức năng của axit Nucleic (ADN, ARN) và Protein; Các bước thực hiện quá trình PCR và Các ứng dụng cơ bản của sinh học phân tử. Từ đó, giúp sinh viên có khả năng vận dụng vào thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống. Bên cạnh đó, giúp cho sinh viên những kỹ năng thao tác cơ bản trong sinh học phân tử và những kỹ năng thao tác, phân tích kết quả của một số kỹ thuật cơ bản trong sinh học phân tử như: Tách chiết DNA, RNA, điện di, xác định mật độ quang, cách sử dụng enzyme, PCR.

Sinh viên khi hoàn thành môn học có thể mô tả được nguyên lý, thực hành lại được, phân tích được kết quả của một số kỹ thuật cơ bản trong sinh học phân tử như: tách chiết DNA, RNA, đo mật độ quang, điện di nucleic acid trên gel agarose, PCR.



Ngoài ra sinh viên cũng có thể thực hiện được một số thao tác phòng thí nghiệm cơ bản: sử dụng micropipette, pha hóa chất,...

28. Khoa học cây trồng (PP2108)

Học phần Khoa học cây trồng cung cấp cho sinh viên thông tin kiến thức về đặc điểm sinh học, sinh thái, điều kiện sinh trưởng phát triển và quy trình kỹ thuật canh tác của một số loại cây trồng (Cây lúa, cây rau, cây công nghiệp, cây ăn trái và hoa kiểng).

29. TT. Khoa học cây trồng (PP2109)

Học phần Thực tập Khoa học cây trồng giúp cho sinh viên kiến thức về cây trồng và kỹ thuật canh tác một số cây trồng thông qua các bài học sau đây: Thực hành nhận diện một số loại hạt giống cây trồng và kỹ thuật gieo hạt, kỹ thuật trồng rau mầm; Thực hành kỹ thuật chuẩn bị đất, dinh dưỡng và gieo trồng một số loại cây (cây rau, màu, hoa kiểng); Tham quan thực tế mô hình sản xuất lúa (ngắn ngày, lúa tôm); Tham quan thực tế một số mô hình (cây rau, cây màu, cây ăn trái...) tại Bạc Liêu.

30. Khởi nghiệp ngành nghề (PP2110)

Nội dung môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về sang tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, lựa chọn loại hình sở hữu doanh nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Thêm vào đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thế mạnh, cơ hội, đe dọa, rủi ro thương mại hóa sản phẩm từ ý tưởng kinh doanh, phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Ngoài ra sinh viên có cơ hội được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt hoặc tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.

31. Kỹ năng mềm (PP2111)

Học phần Kỹ năng mềm cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho người học: kỹ năng giao tiếp, các nguyên lý chung về giao tiếp; các kỹ năng lắng nghe, nói và thuyết trình hiệu quả; kỹ năng làm việc nhóm đảm bảo sự hợp tác tốt trong học tập và làm việc; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng quản lý cảm xúc.

32. Luật trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật (PP2112)

Giúp học viên nắm vững những nguyên tắc và những điều cơ bản của luật môi trường và bảo vệ thực vật.

33. Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính (PP2113)

Học phần Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về các khái niệm, phân loại, đặc điểm, mục đích, tác dụng của các loại văn bản hành chính thông dụng; từ ngữ và văn phong của văn bản hành chính, viết hoa trong văn bản hành chính; thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính; thể thức và kỹ thuật trình bày một số văn bản hành chính như: công văn, giấy mời, biên bản, quyết định cá biệt, chỉ thị, thông báo, tờ trình, kế hoạch, báo cáo theo quy định của pháp luật hiện hành; một số lỗi cần tránh khi soạn thảo văn bản hành chính thông dụng như: về thể thức, về bố cục, về ngôn ngữ và những vấn đề cần lưu ý khác...

34. Chọn giống cây trồng trong bảo vệ thực vật (PP2114)

Trang bị kiến thức về khả năng kháng tác nhân gây hại của giống cây trồng, cơ chế, khả năng di truyền của tính kháng và kiến thức về lai tạo giống cây kháng. Vai trò của việc sử dụng và lai tạo giống kháng trong quy trình phòng trừ tổng hợp IPM, IDM,

đặc biệt là về giống lúa kháng rầy nâu, bệnh đạo ôn, bệnh cháy bìa lá... Trang bị cho sinh viên một số kiến thức và thuật ngữ cơ bản, nguyên lý, phương pháp trong chọn tạo giống kháng sâu bệnh.

35. Kỹ thuật trồng nấm ăn (PP2115)

Giúp người học hiểu biết về triển vọng và yêu cầu của ngành sản xuất một số loại nấm ăn, các đặc điểm sinh học, yêu cầu về điều kiện sinh thái trồng một số loại nấm ăn phổ biến như nấm rơm, nấm bào ngư, nấm mèo ...

Giúp sinh viên biết cách vận dụng kiến thức trong sản xuất nấm ăn, thực hành kỹ năng canh tác nấm ăn như tạo meo giống, chuẩn bị nguyên liệu trồng, kỹ thuật trồng nấm trong điều kiện ngoài trời và trong nhà. Biết cách tìm kiếm thông tin, làm việc nhóm và thuyết trình, có ý thức trách nhiệm, chủ động giải quyết các vấn đề đặt ra.

36. Côn trùng chuyên khoa (PP2200)

Giới thiệu các loại côn trùng gây hại chính trên cây lúa, rau màu, cây ăn trái, cây công nghiệp với đặc điểm về phân bố, ký chủ, đặc tính về phân loại, sinh thái, sinh học và cách quản lý sâu hại hợp lý, hiệu quả và bền vững phục vụ cho nền nông nghiệp bền vững và thân thiện môi trường. Phần thực hành sinh viên sẽ nhận diện các loài sâu hại chính trên mẫu thực trên cây lúa, rau màu, cây ăn trái, cây công nghiệp và đi thực tế ngoài đồng để điều tra về tình hình sâu hại và biện pháp phòng trị của nông dân, cũng như nhận diện các triệu chứng gây hại ngoài đồng của một số sâu hại chính trên các loại cây trồng phổ biến ở ĐBSCL.

37. TT. Côn trùng chuyên khoa (PP2201)

Học phần giúp sinh viên quan sát ghi nhận đặc điểm hình thái các loài côn trùng gây hại trên cây lương thực, cây ăn trái, cây rau màu, xem khóa phân loại và định danh các nhóm côn trùng gây hại phổ biến trong nông nghiệp. Quan sát và ghi nhận triệu chứng gây hại điển hình của các loài côn trùng gây hại cây lương thực, cây ăn trái, cây rau màu.

38. Bệnh cây chuyên khoa (PP2202)

Môn học bệnh cây chuyên khoa nhằm cung cấp kiến thức sau về bệnh hại trên các loại cây trồng để quản lý bệnh hại đạt hiệu quả cao, bền vững, không gây ô nhiễm môi trường. Sinh viên sẽ được tìm hiểu sâu hơn về triệu chứng bệnh, đặc điểm của tác nhân gây bệnh, các điều kiện đưa đến sự phát sinh và phát triển bệnh và biện pháp tổng hợp trong quản lý bệnh cây trồng. Ngoài ra, sinh viên sẽ được tiếp cận thực tế sản xuất nhằm nhận biết chính xác tình huống, nguyên nhân của mỗi tình huống và cách giải quyết tình huống.

39. TT. Bệnh cây chuyên khoa (PP2203)

Đây là môn học bắt buộc, nhằm giúp sinh viên hiểu rõ hơn kiến thức ở phần lý thuyết đồng thời rèn luyện kỹ năng về nhận diện và chẩn đoán chính xác các bệnh gây hại trên các loại cây trồng bằng phương pháp vừa quan sát thực tế vừa quan sát trong phòng thí nghiệm về triệu chứng bệnh, đặc điểm của tác nhân bệnh.

40. Thuốc bảo vệ thực vật (PP2204)

Giúp học viên nắm vững những nguyên lý, vai trò và phương pháp nghiên cứu về thuốc bảo vệ thực vật; Tác động của chất độc lên hệ sinh thái đồng ruộng; Cơ chế tác động của thuốc BVTV đối với dịch hại; các loại thuốc BVTV sử dụng tại Việt Nam; sử

dụng thuốc BVTV an toàn và hiệu quả. Hiểu được cách bố trí thí nghiệm và đánh giá hiệu quả của thuốc BVTV đối với dịch hại và thiên địch. Học viên sau khi kết thúc môn học sẽ có đủ trình độ tự giải quyết các vấn đề có liên quan đến nông được và môi trường sống trong quá trình sản xuất nông nghiệp. Phân loại các nhóm thuốc BVTV. Tính kháng thuốc của sinh vật khi chịu áp lực của hóa chất nông nghiệp. Hệ quả của thuốc trừ dịch hại đến sinh vật và cách khắc phục. Sự phân giải của thuốc BVTV, hạn chế sự phát triển tính kháng thuốc.

41. TT. Thuốc bảo vệ thực vật (PP2205)

Nhận dạng các loại thuốc thương phẩm trên thị trường, phương pháp điều chế hỗn hợp Bordeaux, đánh giá hiệu quả của thuốc trừ sâu, đánh giá hiệu quả của thuốc trừ bệnh, đánh giá hiệu quả của thuốc trừ cỏ, cách hỗn hợp các loại thuốc BVTV chung với nhau.

42. IPM trong bảo vệ thực vật (PP2206)

Trang bị cho sinh viên kiến thức sâu hơn về nguyên lý, nguyên tắc, mục đích và sự tất yếu của việc áp dụng IPM trong nông nghiệp gồm: Các khái niệm cơ bản vận dụng trong IPM, sinh thái học và ứng dụng trong quản lý tổng hợp dịch hại, các nguyên lý, nội dung chính và các thành phần cơ bản của IPM, các biện pháp phòng trừ dịch hại và sự vận dụng theo quan điểm IPM. Một số mô hình IPM và kiến thức cần thiết để xây dựng mô hình IPM. Điều kiện áp dụng thành công và các phương pháp chuyển giao IPM trong cộng đồng.

43. TT. IPM trong bảo vệ thực vật (PP2207)

Giúp người học nhận dạng các đối tượng gây hại chính trên một số loại cây trồng canh tác phổ biến và biện pháp phòng trừ chúng trong IPM. Qua khảo sát thực tế trên đồng ruộng, điều tra nông dân, phân tích hệ sinh thái và xây dựng mô hình IPM.

44. Cỏ dại (PP2208)

Trang bị cho học viên những kiến thức cơ sở của khoa học cỏ dại: phân loại, sinh học, sinh thái, sự thiết lập và thay đổi của quần xã cỏ, biện pháp quản lý cỏ; phương pháp cơ bản trong nghiên cứu về cỏ dại, vận dụng vào điều kiện canh tác cụ thể.

45. TT. Cỏ dại (PP2209)

Giúp sinh viên củng cố kiến thức và vận dụng trong: phân loại, phân nhóm và nhận biết cỏ dại; khảo sát đặc điểm sinh học, sự cạnh tranh và gây hại lẫn nhau của quần xã cỏ; sử dụng, đánh giá hiệu lực thuốc trừ cỏ; điều tra, đánh giá, xây dựng chiến lược quản lý cỏ cho một số cây trồng canh tác phổ biến.

46. Động vật hại nông nghiệp (PP2210)

Cung cấp kiến thức cơ bản về vị trí phân loại, phân bố, sinh học, sinh thái và biện pháp phòng chống một số động vật hại nông nghiệp gồm: nhện, ốc, chuột.

47. Tiếng Anh chuyên ngành bảo vệ thực vật (PP2211)

Học phần cung cấp kiến thức và từ vựng anh văn chuyên môn trong lĩnh vực bảo vệ thực vật. Vận dụng được các kiến thức anh văn chuyên môn đã học vào các môn học chuyên ngành bảo vệ thực vật. Rèn luyện kỹ năng đọc và hiểu, giao tiếp, thuyết trình đơn giản bằng tiếng Anh trong lĩnh vực bảo vệ thực vật. Có khả năng tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn trên cơ sở sử dụng Tiếng Anh chuyên ngành Bảo vệ thực vật.

48. Thực tập nghề (PP2212)

Sinh viên có thể thực hiện quy trình kỹ thuật tại trường hoặc đến học tập tại cơ quan nhà nước như Chi cục BVTV, Trạm BVTV ...; các Doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh thuộc BVTV; giảng viên chọn địa điểm, liên hệ các cơ sở, phổ biến với sinh viên nội dung học tập, đưa ra các tiêu chí đánh giá môn học, gửi nhóm sinh viên xuống cơ sở. Sinh viên tham gia thực tập tại các cơ sở, trao đổi và thảo luận các vấn đề sản xuất với thầy cô và cán bộ tại cơ sở.

49. Thực tập giáo trình (PP2213)

Học phần nhằm tạo điều kiện tổng hợp, phân tích vấn đề dựa trên thực tế sản xuất bằng những kiến thức đã học tại trường, đồng thời tiếp cận các quy trình, kỹ thuật phòng trừ dịch hại theo hướng an toàn sinh thái, cách tổ chức sản xuất tại HTX và các trang trại.

Giúp cho sinh viên hệ thống lại kiến thức các môn học để giải quyết các vấn đề xảy ra trong thực tiễn sản xuất, nhất là các vùng sinh thái (ĐBSCL, miền Đông Nam bộ, duyên hải, cao nguyên), khí hậu và địa hình khác nhau. Thực tập giáo trình còn là cơ hội để sinh viên tiếp cận các tiến bộ kỹ thuật mới, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các mô hình sản xuất tại các trang trại, cách tổ chức sản xuất, tiêu thụ và xuất khẩu của các công ty, doanh nghiệp, nhất là các công ty có áp dụng các kỹ thuật công nghệ cao trong điều kiện ở Việt Nam. Qua đợt thực tập này, sinh viên còn được bổ sung thêm kiến thức thực tế cho các học phần, đồng thời cũng giúp cho sinh viên nâng cao nhận thức, định hướng được tầm quan trọng ngành nghề của mình trong việc phát triển nông nghiệp. Khi kết thúc thời gian thực tập giáo trình, sinh viên tổng hợp các kiến thức thực tế đã học tập được và kết hợp với lý thuyết để nhận xét tính thiết thực hiệu quả của các mô hình tham quan, rút ra kinh nghiệm cho bản thân, viết báo cáo phúc trình về các hoạt động đã học tập được. Kết quả báo cáo và bài thi cuối môn sẽ được đánh giá bởi Hội đồng gồm các giảng viên tham gia giảng dạy và hướng dẫn sinh viên thực tập.

50. Kỹ thuật sản xuất rau sạch (PP2214)

Cung cấp kiến thức cơ bản về những yếu tố gây ô nhiễm rau và các biện pháp có thể khắc phục. Hiểu được tầm quan trọng của rau sạch đối với sức khỏe cộng đồng. Nắm vững những kỹ thuật cơ bản của sản xuất sạch điều kiện tự nhiên (ngoài đồng) và tiên tiến (trong nhà lưới, nhà kính: công nghệ cao), chủ yếu sản xuất rau không dung đất. Mỗi kỹ thuật đều sản xuất với quy mô hộ gia đình và quy mô hàng hóa lớn.

Có khả năng gieo trồng và chăm sóc các loại rau trên giá thể đất sạch, sử dụng dinh dưỡng hòa tan. Có khả năng thiết kế những hệ thống trồng rau không cần đất cho hộ gia đình, thiết kế nhà kính, nhà lưới phù hợp vùng nhiệt đới và vận hành một số thiết bị trồng rau điều khiển tự động. Nghiêm túc trong học tập, tạo đức tính cần mẫn, sang tạo để làm ra những hệ thống trồng rau hiện đại. Có khả năng nhận biết, tư duy và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn sản xuất rau sạch.

51. Dự tính và dự báo dịch hại cây trồng (PP2215)

Môn học dịch tể học BVTV cung cấp những kiến thức cơ bản về dịch hại cây trồng nông nghiệp, diễn thế các vụ dịch và các yếu tố sinh thái ảnh hưởng, phương pháp dự tính dự báo nguy cơ dịch hại. Trên cơ sở đó đề xuất biện pháp phòng ngừa và dập dịch đạt hiệu quả kinh tế, môi trường và xã hội.

Sau khi học xong môn này, sinh viên sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về dịch hại cây trồng nông nghiệp, tình hình gây hại, biến động số lượng của những loài dịch hại

chủ yếu, mối quan hệ giữa cây trồng, dịch hại và yếu tố sinh thái, phương pháp điều tra biến động số lượng quần thể dịch hại và DTDB tình hình gây hại của chúng. Nắm được quy luật diễn biến số lượng, gây hại của một số loài dịch hại chủ yếu trên cây trồng chính và biện pháp tác động nhằm phòng chống dịch hại có hiệu quả.

52. Công nghệ sinh học trong bảo vệ thực vật (PP2216)

Giúp cho sinh viên có khả năng hiểu và vận dụng các kiến thức về lĩnh vực công nghệ sinh học trong nghiên cứu các biện pháp bảo vệ cây trồng như: sự đa dạng của tác nhân gây hại, tương tác giữa tác nhân gây hại và cây trồng. Đặc biệt, giúp sinh viên có thể áp dụng một số kỹ thuật của công nghệ sinh học trong chẩn đoán tác nhân gây hại cây trồng và đưa ra biện pháp phòng chống.

53. Kiểm dịch thực vật và dịch hại nông sản sau thu hoạch (PP2217)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và thực tiễn về cơ sở khoa học của KDTV, pháp lệnh điều lệ về KDTV của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, về các loài dịch hại nông sản sau thu hoạch... Đây là cơ sở để sinh viên kịp thời phát hiện, giám định chính xác đối tượng KDTV và dịch hại chính trong kho; từ đó đề xuất biện pháp xử lý, tiêu diệt triệt để đối tượng KDTV, ngăn chặn sự lây lan của chúng và phòng chống các loài dịch hại nông sản sau thu hoạch có hiệu quả.

54. IoT trong nông nghiệp (PP2218)

Học phần này giúp người học hiểu được vai trò của Internet và ứng dụng của nó trong đời sống và sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh đó, các kiến trúc phần cứng cũng như phần mềm lập trình cho kỹ thuật này cũng được giới thiệu. Dựa trên kiến thức được trang bị, người học có thể vận dụng để thiết kế một số ứng dụng cơ bản trong sản xuất nông nghiệp như kiểm soát độ ẩm, kiểm soát nhiệt độ, kiểm soát độ oxy hòa tan, kiểm soát độ mặn... từ đó giúp tăng cường khả năng giám sát hoặc điều khiển chính xác các thông số liên quan đến lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

55. Phòng trừ sinh học côn trùng (PP2219)

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thiên địch tự nhiên (ký sinh và bắt mồi); những ứng dụng của thiên địch trong việc phòng trị côn trùng gây hại.

56. Phòng trừ sinh học bệnh cây trồng (PP2220)

Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về sự cân bằng sinh học, sự mất cân bằng sinh học trong hệ sinh thái nông nghiệp. Giới thiệu về biện pháp phòng trừ sinh học và những thuận lợi, khó khăn trong việc áp dụng các biện pháp này. Môn học còn giới thiệu vai trò và cơ chế tác động của vi sinh vật có lợi trong ức chế sự phát triển của mầm bệnh.

57. Nuôi cấy mô thực vật (PP2221)

Nâng cao các kiến thức của khoa học tự nhiên gắn liền với ngành học. Hiểu và áp dụng được các kỹ thuật nhân giống in vitro cây rau, hoa và cây cảnh trong thực tiễn.

Bồi dưỡng kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và tiếp thu các thành tựu khoa học kỹ thuật mới, kỹ năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin và viết báo cáo kết quả thí nghiệm, sử dụng công nghệ thông tin, tài liệu chuyên ngành tiếng Anh. Bồi dưỡng thái độ, nhận thức đúng về lĩnh vực chuyên môn, có ý thức làm việc độc lập, nhiệt tình trong công việc.

58. Dinh dưỡng cây trồng (PP2300)

Học phần cung cấp các kiến thức, các nguyên tắc cơ bản về dinh dưỡng khoáng cây trồng bao gồm sự cung cấp, quá trình hấp thu, vận chuyển, biến dưỡng và vai trò chức năng của dưỡng chất khoáng trong cây, đặc biệt là cây trồng trong nông nghiệp. Nội dung gồm 11 chương lý thuyết: 1. Cây trồng và dinh dưỡng. 2. Định nghĩa và phân loại dưỡng chất khoáng. 3. Cơ chế hấp thụ ion của tế bào rễ và sự chuyển vận gần. 4. Sự vận chuyển xa ở mạch gỗ và mạch libe. 5. Sự hấp thu dinh dưỡng qua lá và các bộ phận của cây trong không khí. 6. Năng suất và mối quan hệ giữa sink và source. 7. Dinh dưỡng khoáng và sự đáp ứng năng suất. 8. Sự cố định đạm. 9. Dưỡng chất khoáng đa lượng. 10. Dưỡng chất khoáng vi lượng. 11. Chẩn đoán triệu chứng thiếu và ngộ độc dưỡng chất khoáng.

59. TT. Dinh dưỡng cây trồng (PP2301)

Học phần giúp sinh viên tiếp cận các phương pháp phân tích hàm lượng dinh dưỡng trong cây trồng như Đạm, Lân, Kali...Bố trí thí nghiệm trồng cây trong dung dịch dinh dưỡng và quan sát triệu chứng thiếu, thừa dinh dưỡng trên cây trồng. Từ đó hiểu và giải thích được các triệu chứng đặc trưng liên quan đến dinh dưỡng cây trồng.

60. Khoa học đất (PP2302)

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản, các khái niệm về tính chất của đất xét về mặt lý hóa và độ phì nhiêu đất. Bên cạnh đó xác định được các đặc tính tối hảo và bất lợi của các nhóm đất khác nhau cũng như các tiến trình hấp thu dưỡng chất và biến dưỡng. Động thái các dưỡng chất khoáng đa, trung, vi lượng trong đất và các tiến trình hóa lý có liên quan đến độ hữu dụng. Phân hữu cơ, sử dụng, các kỹ thuật và phương pháp ủ phân hữu cơ. Các tiến trình làm tăng, giảm độ phì nhiêu đất và phương pháp đánh giá. Sản xuất, khuyến cáo phân bón và vấn đề môi trường.

61. TT. Khoa học đất (PP2303)

Giúp sinh viên thực hành các thao tác lấy mẫu đất chính xác, hiểu được ý nghĩa, nguyên lý các phương pháp phân tích các chỉ tiêu cơ bản về Vật lý đất, Hoá học đất và Phì Nhiêu đất. Biết cách tính toán, đánh giá và giải thích các số liệu phân tích; biết ứng dụng các số liệu trong phân tích đánh giá tiềm năng sức sản xuất của đất cho nông nghiệp và các ngành có liên quan khác

62. Phương pháp bố trí thí nghiệm và xử lý số liệu (PP2304)

Học phần này giúp sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất thống kê và các phương pháp bố trí thí nghiệm. Sinh viên sẽ có kỹ năng giải quyết các bài toán xác suất – thống kê cơ bản, vận dụng kiến thức vào trong thực tiễn sản xuất nông nghiệp. Môn học không chỉ giúp sinh viên hệ thống hóa những khái niệm quan trọng liên quan đến thực tế nghiên cứu mà còn mở rộng sự hiểu biết về mối quan hệ giữa thử nghiệm và suy luận thống kê. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ nắm vững các nhóm, loại hình nghiên cứu và triển khai thí nghiệm trong điều kiện cụ thể một cách độc lập.

63. Hệ sinh thái nông nghiệp (PP2305)

Cung cấp kiến thức tổng hợp về cách mạng xanh, hệ sinh thái tự nhiên và hệ sinh thái nông nghiệp (HSTNN).

Phân tích đánh giá và so sánh hệ sinh thái tự nhiên và HSTNN. Trang bị cho người học biết cách khảo sát, thu thập số liệu, phân tích, đánh giá và rút ra bài học thực tế.

Giúp người học xác định được mục tiêu và mục đích của môn học. Cầu thị, ham học hỏi, thích đặt vấn đề thảo luận, tìm ra nguyên nhân của vấn đề đang học. Nghiêm túc tiếp thu, ghi nhận các thông tin mới thông qua tài liệu và người giảng.

64. Chăn nuôi đại cương (PP2306)

Trang bị cho người học những kiến thức căn bản và kinh nghiệm thực tế nhằm giúp người học hiểu rõ hơn về cách chăm sóc gia súc, gia cầm, thú cưng... từ nguồn gốc, tập tính, đặc điểm sinh lý sinh sản cơ thể, cách chăm sóc nuôi dưỡng, khẩu phần dinh dưỡng và các bệnh có liên quan đến một số động vật nuôi.

Có thái độ học tập đúng đắn, có ý thức trách nhiệm, đạo đức và tác phong nghề nghiệp cao, có trách nhiệm công dân, thái độ phục vụ tận tình.

65. Ngư nghiệp đại cương (PP2307)

Sinh viên sẽ được trang bị những hiểu biết cơ bản về nghề cá, môi trường nước, thủy sinh vật, chu trình sản xuất vật chất của thủy vực, đối tượng thủy sản quá trình sản xuất đa dạng của nghề cá, những kỹ thuật mới, vấn đề bệnh thủy sản. Sinh viên được cung cấp kiến thức cơ bản về khai thác và ý thức bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Từ những kiến thức đã học sinh viên sẽ có thể phân tích và đánh giá những vấn đề cơ bản các hoạt động đặc thù của nghề. Rèn luyện kỹ năng mềm và tự chủ và trách nhiệm thông qua làm việc nhóm, báo cáo semina các chuyên đề nuôi trồng và khai thác thủy sản.

66. Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu (PP2308)

Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về khí tượng, khí hậu học, biến đổi khí hậu toàn cầu và khả năng cải tạo lại khí hậu, đại cương về sông ngòi và sự hình thành dòng chảy chảy (mặt và ngầm); hiểu rõ về các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến dòng chảy sông ngòi.

Kỹ năng thực hành quan trắc các thông số khí tượng, khí hậu; phương pháp tính toán thủy văn theo tần suất, ứng dụng tính toán về đặc trưng thủy văn vùng cửa sông ảnh hưởng thủy triều.

Giúp người học hiểu rõ diễn biến phức tạp của thiên nhiên nhằm phòng, chống, tránh một phần thiên tai, giảm nhẹ các rủi ro trong cuộc sống sản xuất và cải tạo môi trường sống.

67. Xây dựng, thẩm định và quản trị dự án (PP2309)

Học phần môn học gồm có 5 chương. Trong đó, Chương 1: Nhập môn phân tích dự án phát triển nông thôn; Chương 2: Xây dựng dự án phát triển nông thôn; Chương 3: Phân tích dự án và thẩm định dự án; Chương 4: Thực hiện dự án phát triển nông thôn; Chương 5: Giám sát và đánh giá dự án phát triển nông thôn.

Sinh viên có được nền tảng cần thiết trong xây dựng dự án, khởi nghiệp một mô hình sản xuất liên quan đến ngành nghề, lĩnh vực chuyên môn.

68. Cơ giới hoá trong nông nghiệp (PP2310)

Giúp cho sinh viên biết được vai trò của động cơ đốt trong trong sản xuất nông nghiệp; Các kiến thức cơ bản về động cơ như: thông số kỹ thuật trên động cơ (công suất, moment, số vòng quay,...). Phân biệt động cơ theo nhiên liệu (xăng và diesel), thì (2 và 4 thì) và số xy lanh (1 xy lanh và nhiều xy lanh). Nguyên lý hoạt động của động cơ, phân

tích nhiệm vụ và cấu tạo của các cơ cấu, hệ thống. Kỹ thuật chăm sóc cơ bản cho động cơ và máy kéo.

Phần máy nông nghiệp cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về máy làm đất, máy gieo trồng, máy thu hoạch và máy phân loại làm sạch hạt. Ngoài ra, sinh viên được đi thực tế để xem các hoạt động của cơ giới hoá trong sản xuất nông nghiệp.

69. Khoa luận tốt nghiệp (PP2400)

Học phần này sẽ giúp sinh viên rèn luyện một số kỹ năng và thực hiện được một nghiên cứu khoa học về lĩnh vực Bảo vệ thực vật thông qua việc làm đề cương nghiên cứu, bố trí thí nghiệm, thu thập và phân tích số liệu, viết và trình bày được một kết quả nghiên cứu khoa học rõ ràng với số liệu phân tích chính xác và có độ tin cậy theo hình thức khoa luận tốt nghiệp. Có khả năng sử dụng các phần mềm xử lý văn bản và các phần mềm phân tích chuyên môn. Phát triển kỹ năng làm việc nhóm và tác phong làm việc độc lập. Phát triển kỹ năng thuyết trình, ứng xử trong việc bảo vệ kết quả nghiên cứu. Sinh viên có thể thực hiện nghiên cứu khoa học tại trường hoặc thực tập ở các cơ quan nhà nước như Sở Nông nghiệp, Hội nông dân, Trung tâm khuyến nông, các Cục, Trạm BVTV từ trung ương đến địa phương ... hoặc thực tập tại các công ty doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ thực vật trong thời gian 450 giờ. Thông qua tiếp cận thực tiễn, sinh viên nâng cao khả năng nhận định, đánh giá, đưa ra định hướng quản lý dịch hại tổng hợp một cách hiệu quả, thân thiện môi trường và thực hiện các công việc liên quan trong thực tế sản xuất khi thực tập tại cơ sở.

70. Tiểu luận tốt nghiệp (PP2401)

Sinh viên đến thực tập ở các cơ quan nhà nước như Sở Nông nghiệp, Hội nông dân, Trung tâm khuyến nông, các Cục, Trạm BVTV từ trung ương đến địa phương... hoặc thực tập tại các công ty doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ thực vật trong thời gian từ 180 giờ. Thông qua tiếp cận thực tiễn, sinh viên nâng cao khả năng nhận định, đánh giá, đưa ra định hướng quản lý dịch hại tổng hợp một cách hiệu quả, thân thiện môi trường và thực hiện các công việc liên quan trong thực tế sản xuất khi thực tập tại cơ sở.

71. Khuyến nông (PP2402)

Giúp cho sinh viên có kiến thức về lịch sử phát triển của khuyến nông thế giới, khuyến nông Việt Nam và tổng quan về khuyến nông. Đặc điểm của nông dân, các phương pháp giảng dạy và nhất là phương pháp giảng dạy cho nông dân. Các phương pháp khuyến nông, ưu khuyết điểm của các phương pháp và trường hợp ứng dụng của từng phương pháp. Ứng dụng “Phát triển kỹ thuật có sự tham gia PTD” trong công tác khuyến nông. Kỹ năng cho hoạt động khuyến nông.

72. Phương pháp giám định côn trùng (PP2403)

Cung cấp kiến thức cơ bản về phương pháp xác định ít nhất đến tên giống của các loài côn trùng gây hại cây trồng phổ biến ở ĐBSCL. Cung cấp kiến thức về giám định sự gây hại của côn trùng trên cây trồng để làm cơ sở cho việc tìm kiếm thông tin và xây dựng các giải pháp quản lý phù hợp.

73. Phương pháp giám định bệnh cây (PP2404)

Học phần Phương pháp giám định bệnh cây trồng sẽ giới thiệu các khái niệm về chẩn đoán và giám định bệnh hại cây trồng, bổ sung kiến thức về các vi sinh vật gây bệnh và triệu chứng bệnh trên cây trồng. Hoàn thiện kiến thức và các kỹ năng trong các

phương pháp thu thập mẫu, các phương pháp bảo quản mẫu, các phương pháp chung trong chẩn đoán và giám định chính xác các nhóm bệnh trên cây trồng ở ngoài đồng và bên trong phòng thí nghiệm, cũng như các phương pháp cụ thể cho từng tác nhân gây bệnh cây trồng. Kết quả chẩn đoán và giám định bệnh sẽ là nền tảng để đề xuất các biện pháp hiệu quả trong phòng trị bệnh cây trồng.

74. Thực hành nông nghiệp tốt (GAP) (PP2405)

Hiệu được áp lực của thế giới, khu vực châu Á đối với hàng nông sản trong thời kỳ WTO. Hiệu được các mối liên kết trong chuỗi cung ứng và cách quản lý để đảm bảo nông sản an toàn và chất lượng trong suốt quá trình từ sản xuất đến tiêu thụ. Nhận thức được tầm quan trọng và ý nghĩa của quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và được trang bị kiến thức về những quy định GAP để sản xuất ra các sản phẩm rau quả an toàn, đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng, người sản xuất, bảo vệ môi trường và có thể truy nguyên được nguồn gốc.

75. Nông nghiệp sạch và bền vững (PP2406)

Nội dung học phần Nông nghiệp sạch và bền vững được cung cấp các khái niệm về nông nghiệp bền vững và nông nghiệp sạch, xây dựng qui trình sản xuất nông nghiệp sạch theo tiêu chuẩn GlobalGAP và hữ cơ, biện pháp quản lý đất bền vững giúp tăng độ phì nhiêu hoá, lý, sinh học đất. Ngoài ra, học phần còn có nội dung thực tập thực tế cho sinh viên thông qua hướng dẫn tham quan các mô hình sản xuất cây trồng theo tiêu chuẩn GAP và hữ cơ ở một số địa phương thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

76. Marketing trong nông nghiệp (PP2407)

Những nội dung chính của chương trình: đặc điểm của sản xuất nông nghiệp có ảnh hưởng đến chiến lược hay kế hoạch marketing, phân tích thực trạng ngành hàng hay sản phẩm bao gồm phân tích hành vi của người tiêu dùng và phân khúc thị trường của ngành hàng nông nghiệp, phân tích hành vi sản xuất của nông hộ hay doanh nghiệp sản xuất sản phẩm nông nghiệp (chiến lược sản phẩm, chiến lược phân phối, chiến lược giá và chiến lược chiêu thị), thông qua sử dụng công cụ SWOT.

77. Bảo quản nông sản sau thu hoạch (PP2408)

Học phần giúp sinh viên khái quát đặc điểm, cấu tạo, tính chất vật lý, cũng như những biến đổi sinh lý, sinh hóa của nông sản sau thu hoạch. Sinh viên nắm được các yếu tố ảnh hưởng cũng như những tổn thất của nông sản sau thu hoạch. Nắm được phương pháp bảo quản nông sản sau thu hoạch, đề xuất những giải pháp thích hợp nhằm duy trì chất lượng và kéo dài thời gian bảo quản cụ thể cho từng dạng sản phẩm cây trồng.

78. Vi sinh vật và chuyển hóa vật chất trong đất (PP2409)

Cung cấp kiến thức cơ bản về vai trò của hệ vi sinh vật trong đất, sự phân bố của các nhóm vi sinh vật trong đất, vai trò của vi sinh vật đất trong sự chuyển hóa vật chất trong đất cũng như vai trò của phân hữ cơ trong việc khống chế các mầm bệnh gây hại cây trồng và đề xuất chiến lược quản lý bệnh hại cây trồng có nguồn gốc từ đất.

79. Ứng dụng GIS và viễn thám trong nông nghiệp (PP2410)

Học phần giúp cho sinh viên nắm vững phần lý thuyết về các đặc điểm, nguyên lý của công nghệ GIS và viễn thám, nắm được nguyên lý các phương pháp xử lý, giải đáp các bài toán bản đồ số; vận dụng những kiến thức được trang bị để xử lý và giải đáp các

bài toán ứng dụng trong nông nghiệp. Đánh giá được vai trò và hiệu quả của ứng dụng GIS và viễn thám trong quản lý nông nghiệp

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

HỌC KỲ 1

STT	MSHP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ		LT	TH
			Bắt buộc	Tự chọn		
1	SS0030	Giáo dục thể chất 1 (**)	1			30
2	SS2001	Triết học Mác - Lênin	3		45	
3	SS0011	Tiếng Anh căn bản 1	3		45	
4	SS2006	Sinh học đại cương	3		30	30
5	SS0010	Tin học căn bản	3		30	30
6	SS0014	Pháp luật đại cương	2		30	
7	SS0016	Tâm lý học đại cương (*)		2	30	
8	SS2008	Toán cao cấp (*)		2	30	
Tổng số tín chỉ: 17 (Bắt buộc: 14, Tự chọn: 2, Điều kiện: 1)						

HỌC KỲ 2

STT	MSHP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ		LT	TH
			Bắt buộc	Tự chọn		
1	SS0031	Giáo dục Quốc phòng - An ninh (**)	11			265
2	SS0030	Giáo dục thể chất 2 (**)	1			30
3	SS0030	Giáo dục thể chất 3 - Bơi lội (**)	1			30
4	SS2002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		30	
5	SS0012	Tiếng Anh căn bản 2	3		45	
6	PP2100	Sinh hóa đại cương	2		20	20
7	PP2103	Vi sinh vật đại cương	2		20	20
8	PP2107	Sinh học phân tử	2		20	20
9	SS2009	Xác suất thống kê (*)		2	30	
10	SS2010	Vật lý đại cương (*)		2	20	20
11	SS2011	Kinh tế học đại cương (*)		2	30	
12	SS2012	Hóa học đại cương (*)		2	20	20
Tổng số tín chỉ: 28 (Bắt buộc: 11, Tự chọn: 4, Điều kiện: 13)						



HỌC KỲ 3

STT	MSHP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ		LT	TH
			Bắt buộc	Tự chọn		
1	SS2003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		30	
2	SS0013	Tiếng Anh căn bản 3	3		45	
3	PP2104	Sinh lý thực vật	3		30	30
4	PP2108	Khoa học cây trồng	3		45	
5	PP2109	TT. Khoa học cây trồng	1			30
6	PP2302	Khoa học đất	2		20	20
7	PP2303	TT. Khoa học đất	1			30
8	PP2110	Khởi nghiệp ngành nghề (*)		1	15	
9	PP2113	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính (*)		1	15	
10	PP2111	Kỹ năng mềm (*)		2	30	
11	PP2112	Luật trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật (*)		2	30	

Tổng số tín chỉ: 17 (Bắt buộc: 15, Tự chọn: 2)

HỌC KỲ 4

STT	MSHP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ		LT	TH
			Bắt buộc	Tự chọn		
1	SS0004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		30	
2	PP2101	Côn trùng đại cương	3		45	
3	PP2102	TT. Côn trùng đại cương	1			30
4	PP2105	Bệnh cây đại cương	2		30	
5	PP2106	TT. Bệnh cây đại cương	1			30
6	PP2305	Hệ sinh thái nông nghiệp (*)		2	30	
8	PP2306	Chăn nuôi đại cương (*)		2	30	
8	PP2307	Ngư nghiệp đại cương (*)		2	30	
9	PP2308	Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu (*)		2	30	
10	PP2309	Xây dựng, thẩm định và quản trị dự án (*)		2	30	
11	PP2310	Cơ giới hóa trong nông nghiệp (*)		2	20	20

Tổng số tín chỉ: 15 (Bắt buộc: 9, Tự chọn: 6)

HỌC KỲ 5

STT	MSHP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ		LT	TH
			Bắt buộc	Tự chọn		
1	SS2005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2		30	
2	SS0015	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		30	
3	PP2200	Côn trùng chuyên khoa	3		30	
4	PP2201	TT. Côn trùng chuyên khoa	1			30
5	PP2202	Bệnh cây chuyên khoa	3		45	
6	PP2203	TT. Bệnh cây chuyên khoa	2			60
7	PP2114	Chọn giống cây trồng trong BVTV (*)		2	20	20
8	PP2115	Kỹ thuật trồng nấm ăn (*)		2	20	20

Tổng số tín chỉ: 15 (Bắt buộc: 13, Tự chọn: 2)

HỌC KỲ 6

STT	MSHP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ		LT	TH
			Bắt buộc	Tự chọn		
1	PP2204	Thuốc bảo vệ thực vật	2		30	
2	PP2205	TT. Thuốc vệ thực vật	1			30
3	PP2304	Phương pháp bố trí thí nghiệm và xử lý số liệu	2		20	20
4	PP2210	Động vật hại nông nghiệp	2		20	20
5	PP2211	Tiếng Anh chuyên ngành bảo vệ thực vật	2		30	
6	PP2300	Dinh dưỡng cây trồng	2		30	
7	PP2301	TT. Dinh dưỡng cây trồng	1			30
8	PP2214	Kỹ thuật sản xuất rau sạch (*)		2	20	20
9	PP2215	Dự tính và dự báo dịch hại cây trồng (*)		2	20	20
10	PP2216	Công nghệ sinh học trong bảo vệ thực vật (*)		2	20	20
11	PP2217	Kiểm dịch thực vật và dịch hại nông sản sau thu hoạch (*)		2	20	20

Tổng số tín chỉ: 16 (Bắt buộc: 12, Tự chọn: 4)

HỌC KỲ 7

STT	MSHP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ		LT	TH
			Bắt buộc	Tự chọn		
1	PP2206	IPM trong bảo vệ thực vật	2		30	
2	PP2207	TT. IPM trong bảo vệ thực vật	1			30
3	PP2208	Cỏ dại	2		30	
4	PP2209	TT. Cỏ dại	1			30
5	PP2212	Thực tập nghề	3			135
6	PP2213	Thực tập giáo trình	3			90
9	PP2218	IoT trong nông nghiệp (*)		2	20	20
7	PP2219	Phòng trừ sinh học côn trùng (*)		2	20	20
8	PP2220	Phòng trừ sinh học bệnh cây trồng (*)		2	20	20
10	PP2221	Nuôi cấy mô thực vật (*)		2	20	20
Tổng số tín chỉ: 16 (Bắt buộc: 12, Tự chọn: 4)						

HỌC KỲ 8

STT	MSHP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ		LT	TH
			Bắt buộc	Tự chọn		
1	PP2400	Khoá luận tốt nghiệp (*)		10		450
2	PP2401	Tiểu luận tốt nghiệp (*)		4		180
3	PP2402	Khuyến nông (*)		2	20	20
4	PP2403	Phương pháp giám định côn trùng (*)		2	20	20
5	PP2404	Phương pháp giám định bệnh cây (*)		2	20	20
6	PP2405	Thực hành nông nghiệp tốt (GAP) (*)		2	20	20
7	PP2406	Nông nghiệp sạch và bền vững (*)		2	20	20
8	PP2407	Marketing trong nông nghiệp (*)		2	20	20
9	PP2408	Bảo quản nông sản sau thu hoạch (*)		2	20	20
10	PP2409	Vì sinh vật và chuyển hóa vật chất trong đất (*)		2	20	20
11	PP2410	Ứng dụng GIS và viễn thám trong nông nghiệp (*)		2	20	20
Tổng số tín chỉ: 16 (Bắt buộc: 0, Tự chọn: 16)						

Ghi chú:

- LT: Lý thuyết; TH: Thực hành; TC: Tín chỉ.

- Học phần (*): Tự chọn; Học phần (**): Điều kiện bắt buộc phải có, nhưng không tính trong trung bình chung tích lũy.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Phan Văn Đàn****TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Xuân

